TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/DS-ST
Ngày 01 tháng 8 năm 2018
Về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông ĐỖ THÀNH NGỌC

2/ Bà DƯƠNG THỊ TƯ

- Thư ký phiên tòa: Bà LÊ THỊ HOÀNG YẾN là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2018 về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Thông báo hoãn phiên tòa số: 46/TB-TA ngày 20/7/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1940 - (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 69/10, ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện H, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1983 (chết ngày 13/5/2018)

Địa chỉ: Số nhà 69/10, ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện H, tỉnh T.

** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:*

1/ Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1981 - (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Tân Đông, xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh T.

2/ Bà **Trang Thị Q**, sinh năm 1962 - (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, Phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Trang Thị Q**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Khu phố 5, Phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Tân Đông, xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh T.

3/ Cháu **Nguyễn Xuân Thùy D**, sinh ngày 29/4/2005

4/ Cháu **Nguyễn Xuân N G**, sinh ngày 14/11/2016

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp Tân Đông, xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh T.

** Người đại diện theo pháp luật của cháu D và cháu G:* Chị Nguyễn Thị N (là mẹ ruột của cháu D và cháu G).

5/ Chị **Nguyễn Thị Thu Hiền**, sinh năm 1985 - (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 72, Quốc lộ 13, Tổ 3, Ấp 1, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6/ Cháu **Nguyễn Minh Hằng**, sinh ngày 03/6/2016

** Người đại diện theo pháp luật của cháu Hằng:* Chị Nguyễn Thị Thu Hiền (là mẹ ruột của cháu Hằng).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2018 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị A trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện như sau:

Bà Nguyễn Thị A có chồng là ông Nguyễn Minh CH, ông CH chết năm 1961 khi bà đang mang thai ông Nguyễn Văn Tâm, ông Tâm sinh năm 1961 nhưng khi làm giấy tờ ghi ông Tâm sinh năm 1963. Bà A và ông CH có 02 người con chung: Nguyễn Minh Hữu, sinh năm 1960, hiện ngụ tại số nhà 174A, ấp An Phú, xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và Nguyễn Văn Tâm, ông Tâm chết ngày 09/5/2017. Ông Nguyễn Văn Tâm tổ chức đám cưới với bà Trang Thị Q vào khoảng năm 1981 và có 02 người con chung:

- Nguyễn Minh Chơn, sinh năm 1982, chết ngày 27/4/2017. Anh Chơn có vợ là chị Nguyễn Thị Thu Hiền, anh Chơn và chị Hiền có 01 người con chung là Nguyễn Minh Hằng;

- Nguyễn Minh H, sinh năm 1983, chết ngày 13/5/2018. Anh H có vợ là chị Nguyễn Thị N, anh H và chị Nương có 02 người con chung là Nguyễn Xuân Thùy D và Nguyễn Xuân N G.

Sau khi đám cưới, vợ chồng ông Tâm, bà Q sống chung nhà của bà A ở Ấp 1, xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Đến năm 1996 bà A cùng ông Tâm và 02 người con của ông Tâm là anh Chơn và anh H cùng lên T sinh sống tại địa chỉ số nhà 69/10, ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện H, tỉnh T cho đến ngày ông Tâm, anh Chơn và anh H chết, hiện nay bà A đang sống một mình trong căn nhà này; còn bà Q không cùng lên T mà về Khu phố 5, Phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang sống với người đàn ông khác cho đến nay. Ông Tâm và bà Q chưa được Tòa án nào giải quyết cho ly hôn.

Năm 1996 bà A bán nhà đất của bà ở Long An được cha mẹ ruột bà cho lấy tiền lên huyện H, tỉnh T mua phần đất này của bà Ngân, nguồn gốc đất này bà Ngân mua của ông Ba Tam nhưng chưa tách sổ sang tên, nên khi làm thủ tục tách sổ sang tên thì tách sổ từ ông Tam sang qua cho gia đình bà, trên đất có sẵn căn nhà tạm, mua nhà đất với giá 40 chỉ vàng 24K, sau khi bán nhà đất cho bà thì gia đình ông Tam và gia đình bà Ngân đi đâu bà không rõ. Ông Tâm, bà Q không góp tiền vào việc việc mua nhà đất này, toàn bộ là tiền của bà A.

Lúc đó ông Tâm đang sống chung với bà, nhưng do bà thường ở trong Y viện Tòa Thánh làm công quả, hơn nữa bà không rành chữ, bà nghĩ sau này nếu bà chết thì ông Tâm cũng hưởng nhà đất này, vì trước đây bà đã chia tài sản cho ông Hữu, nên bà đồng ý để cho ông Tâm đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 09/10/2002 ông Nguyễn Văn Tâm được UBND huyện H, tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01193 QSDĐ/2894/XN-UB(HL), diện tích 210,9m^2 theo thửa đất số 41, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện H, tỉnh T. Từ năm 1996 đến nay bà A vẫn sinh sống trong nhà đất này, không ai tranh chấp. Năm 2017, 2018 ông Tâm, anh Chơn, anh H chết đều không để lại di chúc. Sau khi ông Tâm và anh Chơn chết, bà có kêu bà Q và anh H làm thủ tục sang tên phần đất này cho bà, anh H đồng ý, còn bà Q nói là nhà đất này không liên quan gì đến bà Q, bà không tranh chấp nên không đồng ý ra chính quyền địa phương hay đến Tòa án để làm thủ tục sang tên đất cho bà A đứng tên, tự bà A muốn làm gì thì làm.

Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết sang tên phần đất 210,9m^2 do ông Nguyễn Văn Tâm đứng tên được cấp ngày 09/10/2002 qua cho bà đứng tên để bà sử dụng hợp pháp và có quyền chia lại cho con cháu được hưởng.

Chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị là vợ của anh Nguyễn Minh H, vợ chồng chung sống từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Thành Bắc, huyện H, tỉnh T vào ngày 30/8/2008 và có 02 người con chung đúng như bà A trình bày, hiện 02 con đang sống với chị. Sau khi cưới, chị và anh H thuê nhà ở thành phố Hồ Chí Minh để đi làm, sống được 07 năm vợ chồng về nhà bà nội của anh H sống được hơn 01 năm thì về huyện Tân Châu, tỉnh T sống riêng, nhưng hàng ngày anh H đi làm gần nhà của bà A nên tối về nhà bà A tá túc. Anh H chết ngày 13/5/2018 do bị nhồi máu cơ tim, không để lại di chúc. Theo chị biết thì nhà đất bà A đang tranh chấp có nguồn gốc là tài sản của bà A để cho cha chồng của chị là ông Nguyễn Văn Tâm đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do trước đây ông Tâm sống chung nhà với bà A, còn mẹ chồng là bà Trang Thị Q không sống chung nhà của bà A mà sống với người chồng khác ở tỉnh Tiền Giang. Chị và cháu D, cháu G không tranh chấp và cũng không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với nhà đất này, đồng ý làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất này cho bà A.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 6 năm 2018 chị Nguyễn Thị Thu Hiền trình bày:

Chị là vợ của anh Nguyễn Minh Chơn, vợ chồng chung sống từ năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Thành Bắc, huyện H, tỉnh T và có 01 người con chung là Nguyễn Minh Hằng đang sống với chị. Sau khi cưới, chị và anh Chơn sống chung nhà của bà A cho đến khi anh Chơn chết ngày 27/4/2017, không để lại di chúc. Sau khi anh Chơn chết khoảng 2-3 tháng, chị và cháu Hằng về nhà cha mẹ ruột của chị ở tỉnh Bình Phước sống cho đến nay. Trong thời gian chung sống, chị có nghe anh Chơn và bà A nói nhà đất này là của bà A, nhưng bà A để cho cha chồng của chị là ông Nguyễn Văn Tâm đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do trước đây ông Tâm sống chung nhà với bà A, còn mẹ chồng là bà Trang Thị Q không sống chung nhà của bà A mà sống với người chồng khác ở tỉnh Tiền Giang, đám cưới chị và anh Chơn bà Q cũng không tham dự. Chị và cháu Hằng không tranh chấp và cũng không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với nhà đất này, đồng ý làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất này cho bà A.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 6 năm 2018 bà Trang Thị Q trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Tâm chung sống vợ chồng từ năm 1981, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, bà và ông Tâm sống chung nhà của bà A ở Ấp 1, xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Từ năm 1996 bà về Khu phố 5, Phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang sống với người chồng khác cho đến nay, còn ông Tâm cùng 02 con là Nguyễn Minh Chơn, Nguyễn Minh H chuyển về T sinh sống với bà A, ít liên lạc với nhau. Bà và ông Tâm không có tài sản chung, nguồn gốc diện tích 210,9m^2 đất và căn nhà trên phần đất này là của bà A nhưng để cho chồng bà đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng vì ông Tâm sống cùng với bà A. Bà Q không tranh chấp và cũng không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với nhà đất này, đồng ý làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất này cho bà A, yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa: Bà A yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Tâm theo quy định của pháp luật; chị Nương vẫn giữ nguyên ý kiến, không trình bày gì khác; bà Q, chị Hiền vắng mặt có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; án phí tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trang Thị Q, chị Nguyễn Thị Thu Hiền là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Q, chị Hiền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Phần đất bà Nguyễn Thị A đang tranh chấp do ông Nguyễn Văn Tâm đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 09/10/2002, căn nhà do bà A xây. Bà A yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà đất theo quy định của pháp luật, nên xác định đây là quan hệ *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo quy định tại Điều 609 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Tâm chết ngày 09/5/2017 nên thời điểm mở thừa kế của ông Tâm là ngày 09/5/2017; bà Nguyễn Thị A làm đơn khởi kiện ngày 02/4/2018 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Tâm theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 623 của Bộ luật Dân sự thì yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Tâm còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về di sản thừa kế: Bà A, bà Q, chị Nương, chị Hiền đều xác nhận nguồn gốc diện tích 210,9m^2 đất tọa lạc tại ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện H, tỉnh T là của bà A

nhưng cho ông Nguyễn Văn Tâm đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất và ông Tâm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất trên vào ngày 09/10/2002, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi cấp cho "Hộ ông (bà) Nguyễn Văn Tâm". Tại phiên tòa bà A trình bày tại thời điểm cấp đất năm 2002 hộ gia đình ông Nguyễn Văn Tâm gồm có bà Nguyễn Thị A là chủ hộ, ông Nguyễn Văn Tâm là con ruột, anh Nguyễn Minh Chơn và anh Nguyễn Minh H là cháu nội của chủ hộ, nhưng bà không cung cấp được sổ hộ khẩu của năm 2002. Tuy nhiên, bà A không tranh chấp về quyền sở hữu tài sản chung đối với phần đất và căn nhà mà thống nhất nhà đất này là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Tâm và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Tâm theo quy định của pháp luật, nên xác định quyền sử dụng diện tích 210,9m^2 đất và căn nhà trên phần đất này là di sản thừa kế của ông Tâm. Ngoài ra, bà A không tranh chấp tài sản gì khác.

[5] Về diện và hàng thừa kế: Theo quy định tại các Điều 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 do ông Tâm chết không để lại di chúc, nên di sản thừa kế của ông Tâm được chia theo quy định của pháp luật; hàng thừa kế thứ nhất của ông Tâm được xác định là bà A, bà Q, anh Chơn, anh H, do anh Chơn và anh H chết nên chị Hiền, chị Nương, cháu Hằng, cháu D, cháu G được hưởng phần thừa kế của anh Chơn, anh H.

[6] Về nội D tranh chấp:

Theo biên bản định giá ngày 14/6/2018 của Hội đồng định giá huyện H và trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 05/12/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T - Chi nhánh H, tài sản tranh chấp thể hiện như sau:

- Một phần đất thổ cư diện tích 210,9m^2 tọa lạc tại ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện H, tỉnh T, theo thửa đất số 41, tờ bản đồ số 12 do hộ ông (bà) Nguyễn Văn Tâm đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 09/10/2002, tứ cận:

Phía Đông giáp thửa đất số 40: dài 09m

Phía Tây giáp thửa số 42: dài 8,96m

Phía Nam giáp thửa đất số 40: dài 23,9m

Phía Bắc giáp thửa đất số 30: dài 23,7m

Diện tích đất thực tế: 214,2m^2 (tăng 3,3m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp).

Trị giá phần đất: 360.000.000 đồng.

- Một căn nhà xây tường cấp 4B trên phần đất này, móng bê tông đà kiềng, nền gạch men + gạch tàu, cửa đi + cửa sổ sắt có gắn kiếng, tường xây gạch sơn pê, cột gạch, kèo + đòn tay gỗ xây dựng, trần la phông tole lạnh, mA lợp tole:

Diện tích 107,59 m^2 (ngang 5,3m x dài 20,3m),

Phần L diện tích 25,84m^2 (ngang 3,8m x dài 10,8m),

Tổng diện tích nhà 133,43m^2, trị giá 159.115.000 đồng;

- Phần mA che phía trước và bên hông căn nhà: cột gạch, kèo + đòn tay gỗ xây dựng, nền bê tông xi măng, gạch bao quanh, mA tole, diện tích 51,3m^2 (ngang 3,8m x dài 13,5m), trị giá 8.700.000 đồng;

- Hàng rào xây gạch, quét vôi: diện tích 57,6m^2 (dài 24m x cao 02m + dài 24m x cao 0,4m), trị giá 13.584.000 đồng;

- Hàng rào móng xây gạch, lưới B40: diện tích 15,3m^2 (dài 09m x cao 1,7m), trị giá 1.621.000 đồng.

Tổng tài sản bà A có tranh chấp trị giá: **543.020.000 đồng** (năm trăm bốn mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Xét thấy bà Trang Thị Q, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Thu Hiền không yêu cầu chia và cũng không tranh chấp nhà đất này mà đều đồng ý giao cho bà A được hưởng, do đó cần giao cho bà A được quyền sử dụng, sở hữu nhà đất trên là có cơ sở.

Về chi phí đo đạc, định giá 1.500.000 đồng bà A tự nguyện chịu, ghi nhận bà A đã nộp và chi phí xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngày 25/7/2018 bà Nguyễn Thị A có đơn xin miễn giảm án phí do già yếu, neo đơn, gia đình chính sách được chính quyền địa phương xác nhận. Xét thấy bà A là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009, hiện nay bà A đang thờ cúng bà mẹ Việt Nam anh hùng và liệt sĩ theo Quyết định số: 4883/QĐ.UB ngày 01/9/1995 của UBND tỉnh Long An; Giấy chứng nhận người thờ cúng liệt sĩ số Bằng TQGC: OC 388b ngày 18/01/2006 và Quyết định số: 214/QĐ-SLĐTBXH ngày 20/11/2013 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T, gia đình bà A hiện khó khăn, nhà đất đang tranh chấp là tài sản duy nhất, nên bà A được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 165 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị A đối với anh Nguyễn Minh H.

Bà Nguyễn Thị A được quyền sử dụng, sở hữu các tài sản sau:

- Một phần đất thổ cư diện tích 210,9m^2 tọa lạc tại ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện H, tỉnh T, theo thửa đất số 41, tờ bản đồ số 12 do hộ ông (bà) Nguyễn Văn Tâm đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 09/10/2002, tứ cận:

Phía Đông giáp thửa đất số 40: dài 09m

Phía Tây giáp thửa số 42: dài 8,96m

Phía Nam giáp thửa đất số 40: dài 23,9m

Phía Bắc giáp thửa đất số 30: dài 23,7m

Diện tích đất thực tế: 214,2m^2 (căn cứ theo số liệu trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 05/12/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T - Chi nhánh H, tăng 3,3m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp).

Trị giá phần đất: 360.000.000 đồng.

- Một căn nhà xây tường cấp 4B trên phần đất này, móng bê tông đà kiềng, nền gạch men + gạch tàu, cửa đi + cửa sổ sắt có gắn kiếng, tường xây gạch sơn pê, cột gạch, kèo + đòn tay gỗ xây dựng, trần la phông tole lạnh, mA lợp tole:

Diện tích 107,59 m^2 (ngang 5,3m x dài 20,3m),

Phần L diện tích 25,84m^2 (ngang 3,8m x dài 10,8m),

Tổng diện tích nhà 133,43m^2, trị giá 159.115.000 đồng;

- Phần mA che phía trước và bên hông căn nhà: cột gạch, kèo + đòn tay gỗ xây dựng, nền bê tông xi măng, gạch bao quanh, mA tole, diện tích 51,3m^2 (ngang 3,8m x dài 13,5m), trị giá 8.700.000 đồng;

- Hàng rào xây gạch, quét vôi: diện tích 57,6m^2 (dài 24m x cao 02m + dài 24m x cao 0,4m), trị giá 13.584.000 đồng;

- Hàng rào móng xây gạch, lưới B40: diện tích 15,3m^2 (dài 09m x cao 1,7m), trị giá 1.621.000 đồng.

Tổng tài sản bà A được hưởng trị giá: **543.020.000 đồng** (năm trăm bốn mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Về án phí sơ thẩm dân sự và chi phí tố tụng:

* Về án phí sơ thẩm dân sự: Bà Nguyễn Thị A được miễn nộp tiền án phí.

* Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị A tự nguyện chịu chi phí đo đạc, định giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), ghi nhận bà A đã nộp và chi phí xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện H;

- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).